

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 553/2023/HC-PT
Ngày: 19/7/2023
V/v khiếu kiện hành vi hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh
Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 13/2023/TLPT-HC ngày 13/5/2023, về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 153/2022/HC-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1516/2023/QĐ-PT ngày 21/6/2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị Trường V, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Trường V1: Ông Lê Thanh M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số C Quốc lộ F, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tùng C; Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Phùng Anh T; Chức vụ: Phó Chủ tịch (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Võ Quốc T1, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện T (có mặt).

2. Luật sư Nguyễn Tiểu L, Cộng tác viên của Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Lê Thị Trường V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2021 và lời trình bày của đại diện người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung:

Bà Lê Thị T2 Vân có sử dụng thửa đất 959, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Bà V1 có yêu cầu UBND huyện T cấp phép xây dựng cho thửa đất nêu trên nhưng UBND huyện T có công văn số 6103-CV/UBND-KT ngày 03/11/2020 trả lời cho bà V1 là không đồng ý cấp phép xây dựng cho bà V1. Bà V1 có khiếu nại công văn trên nhưng chưa được trả lời. Nay bà V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An buộc UBND huyện T, tỉnh Long An cấp phép xây dựng cho bà V1 đối với thửa đất 959, tờ bản đồ số 02. Bởi vì thửa đất 959, tờ bản đồ số 02 có nguồn gốc là Nhà nước bán đấu giá và là đất thổ nên đủ điều kiện cấp phép xây dựng.

Tại Văn bản số 7419/UBND-NC ngày 14 tháng 12 năm 2021 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Về vị trí đề nghị cấp phép xây dựng của bà Lê Thị Trường V1 tại thửa đất số 959, tờ bản đồ số 02 (cấp đường L) tọa lạc tại khu phố C, thị trấn T, huyện T, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị (ODT), chiều rộng thửa đất tiếp giáp đường L là 4.8 m. Tuy nhiên, công trình xây dựng nhà ở trùng với vị trí quy hoạch đường cấp kênh 9 Còn (theo quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 thị trấn T và UBND huyện T đã có chủ trương đầu tư đường cấp kênh 9 Còn tại văn bản số 4879/UBND-KT ngày 17/9/2020).

Theo điểm h khoản 5 Điều 2 Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND tỉnh L quy định phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Long An có qui định: Những đoạn sông, rạch, kênh đi qua khu vực thị trấn, khu đông dân cư thì phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 03 mét. Căn cứ vào khoản 2.6.6 QCVN 01:2019/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng qui định kích thước trong lô đất quy hoạch xây dựng công trình “lô đất xây dựng nhà ở trong các khu quy hoạch xây dựng mới tiếp giáp với đường phố có bề rộng chỉ giới đường đỏ lớn hơn hoặc bằng 19m, bề rộng mặt tiền của công trình nhà ở phải lớn hơn hoặc bằng 5m”. Đối với thửa đất 959, tờ bản đồ số 02 thì chiều rộng còn lại lô đất của bà Lê Thị Trường V1 là không đủ điều kiện để cấp phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ đô thị theo qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 93 Luật Xây dựng 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Từ các quy định nêu trên, trường hợp đề nghị cấp phép xây dựng nhà

của bà V1 thuộc trường hợp không đủ điều kiện để được cấp phép xây dựng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 153/2022/HC-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 93 Luật Xây dựng;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trường V1 về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy phép xây dựng cho bà V1 trên thửa đất số 959, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Hành vi không cấp phép xây dựng cho bà Lê Thị T2 Vân đối với thửa đất 959, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An là đúng qui định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/10/2022, bà Lê Thị Trường V1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Thanh M là người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Trường V1 không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Ông Phùng Anh T là người đại diện hợp pháp của UBND huyện T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà V1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày ý kiến như sau:

1. Ông Lê Thanh M: Đất của bà V1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Phần đất này phù hợp với hiện trạng sử dụng, phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của địa phương, cụ thể là Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh L và Quyết định số 4113/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện T. Tại Biên bản kiểm tra thực địa của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T ngày 27/12/2019 đối với hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với Bùi Thị M1 (người bán đất cho bà V1) thể hiện phần đất này là đất ở. Người bị kiện cho rằng đất của bà V1 vi phạm hành lang bảo vệ rạch Chín Cồn nhưng nhà nước đã không cắm mốc, không có sơ đồ thể hiện chiều rộng của con rạch này. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V1.

2. Các ông Phùng Anh T, Võ Quốc T1, Nguyễn Tiểu L: Phần đất mà bà V1 xin cấp phép xây dựng vi phạm lộ giới kênh Chín Cồn. Đây là trục kênh chính thoát nước cho cả khu vực nên UBND huyện T không cấp phép xây dựng cho bà V1 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà V1 làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

- Về nội dung kháng cáo: Mặc dù bà V1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở hợp pháp, nhưng phần đất này vi phạm lộ giới hành lang bảo vệ rạch Chín Cồn nên UBND huyện T không cấp phép xây dựng cho bà V1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Trường V1 làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện: Tại văn bản số 6103-CV-UBND ngày 03/11/2020 của UBND huyện T có nội dung trả lời việc cấp phép xây dựng cho bà V1. Bà V1 cho rằng việc UBND huyện T không cấp phép xây dựng cho bà là trái pháp luật nên ngày 23/9/2021 bà V1 khởi kiện vụ án hành chính. Đây là việc khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện T, tỉnh Long An. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của bà V1, nhận thấy:

[3.1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 6093 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho bà V1 ngày 02/6/2020, có căn cứ để xác định 150m² đất thuộc thửa 959, tờ bản đồ số 02 là đất ở đô thị.

[3.2] Pháp luật về quy hoạch xây dựng quy định như sau:

Tại điểm h khoản 5 Điều 2 Quyết quyết số 43/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND tỉnh L qui định:

“Phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Long An qui định: Những đoạn sông, rạch, kênh đi qua khu vực thị trấn, khu đông dân cư phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 03 mét”.

Tại tiểu mục 2.6.6 QCVN 01/2019/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng qui định về kích thước trong lô đất quy hoạch xây dựng công trình qui định:

“lô đất xây dựng nhà ở trong các khu quy hoạch xây dựng mới tiếp giáp với đường phố có bề rộng chỉ giới đường đỏ lớn hơn hoặc bằng 19m, bề rộng mặt tiền của công trình nhà ở phải lớn hơn hoặc bằng 5m”.

Tại Điều 93 của Luật Xây dựng qui định:

1. Điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị gồm:

a) Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

b) Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh;

c) Thiết kế xây dựng nhà ở riêng lẻ được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 79 của Luật này;

d) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 95, Điều 96 và Điều 97 của Luật này.

2. Đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng; đối với nhà ở riêng lẻ thuộc khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành”.

Tại Mảnh trích đo địa chính số 2022 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T đo vẽ ngày 21/9/2022 thể hiện: Thửa đất bà V1 đang quản lý sử dụng có bề rộng mặt tiền của công trình giáp với đường L là 4.8m.

Đối chiếu vị trí thửa đất mà bà V1 xin phép xây dựng với các văn bản pháp luật vừa viện dẫn ở trên, có đủ căn cứ pháp lý để xác định phần đất của bà V1 không đủ điều kiện để cấp phép xây dựng. Do đó, UBND huyện T không cấp phép xây dựng cho bà V1 là có căn cứ.

[4] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận các căn cứ mà ông M nêu tại phiên toà phúc thẩm.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tại phiên toà phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bà V1 không cung cấp được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của bà V1 là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà V1 phải nộp 300.000 đồng theo luật định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Trường V1. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 153/2022/HC-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 93 Luật Xây dựng;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trường V1 về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy phép xây dựng cho bà V1 trên thửa đất số 959, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

[2] Xác định hành vi không cấp phép xây dựng cho bà Lê Thị T2 Vân đối với thửa đất 959, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An là đúng qui định của pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Trường V1 phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 1381 ngày 07/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Bà V1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa